

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2024
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Trần Văn Tám**

2- Bà **Hà Thị Lệ Thi**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:**
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1973. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Hồ Văn B**, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp MT A, xã MT, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2024 nguyên đơn chị **Trần Thị N** trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh **Hồ Văn B** chung sống với nhau từ năm 1990, gia đình hai bên có làm lễ tuyên bố, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Chị và anh B không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, khoảng 05 năm trở lại đây thì

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần uống rượu về kiểm chuyện chửi mắng đánh đập chị, có lần dùng sắt chọi trúng vào chân của chị gây thương tích. Chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh B nên bỏ đi làm phụ hồ ở Thành phố Rạch Giá, thỉnh thoảng chị mới về ấp MT A để làm ruộng, anh B xuống gặp chị N thì vợ chồng xảy ra cự cãi, xô xát với nhau. Chị và anh B đã sống ly thân với nhau khoảng 06 năm nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh B để mỗi người có cuộc sống riêng, anh B không kiểm chuyện chửi mắng chị nữa.

- Về con chung: Chị và anh B có 03 người con chung tên Hồ Thúy H, sinh ngày 12/3/1992, Hồ Hoàng Tr, sinh ngày 06/7/1997 và Hồ Hoàng T, sinh ngày 22/02/2003. Các con đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Hồ Văn B không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa xét xử, chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Hồ Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hồ Văn B được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị N xác định chị và anh B chung sống từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh B là không hợp pháp.

Nguyên nhân chị N yêu cầu ly hôn với anh B theo chị N trình bày là do anh B thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng đánh đập chị N, còn dùng sắt chọi trúng vào chân của chị N gây thương tích. Vợ chồng chị N đã ly thân khoảng 06 năm nay. Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B.

Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù chị N yêu cầu được ly hôn với anh B, nhưng do chị N và anh B không đăng ký kết hôn nên mối quan hệ vợ chồng không được pháp luật công nhận. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị N và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Chị N và anh B có 03 người con chung tên Hồ Thúy H, sinh ngày 12/3/1992, Hồ Hoàng Tr, sinh ngày 06/7/1997 và Hồ Hoàng T, sinh ngày 22/02/2003. Xét thấy các con của chị N và anh B đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị N và anh Hồ Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con của chị N và anh B đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0003165 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/8/2024). Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Thuận, huyện UMT;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh